Chi tiết mã HS 8448.51.00

Mã HS	8448.51.00
Mô tả hàng hóa	Máy phụ trợ dùng với các máy thuộc nhóm 84.44, 84.45, 84.46 hoặc 84.47 (ví dụ, đầu tay kéo, đầu Jacquard, cơ cấu tự dừng, cơ cấu thay thoi); các bộ phận và phụ kiện phù hợp để chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các máy thuộc nhóm này hoặc của nhóm 84.44, 84.45, 84.46 hoặc 84.47 (ví dụ, cọc sợi và gàng, kim chải, lược chải kỹ, phễu đùn sợi, thoi, go và khung go, kim dệt) / - Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.47 hoặc máy phụ trợ của chúng: / - - Platin tạo vòng (sinker), kim dệt và các chi tiết tạo vòng khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 16:13:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84485100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13995
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13995
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13995
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13315
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13256
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13256
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13256
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13256
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13256
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13256
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13310
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13310
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13310
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13310
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13310
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13311
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13311
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13311
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13311
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13311
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13311
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13314
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13262
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13270
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13270
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13270
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13270
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13270
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13270
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13301
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13301
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13301
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13301
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13301
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13301
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13350
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13350
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13350
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13350
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13350
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13333
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13333
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13333
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13333
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13333
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13333
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13333
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13333
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13333
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13333
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13333
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13333
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13348
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13348
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13348
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13348
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13348
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13348
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13347
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13347
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13347
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13347
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13347
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13347

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13327
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13327
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13327
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13327
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13327
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13327
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13327
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13335
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13335
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13335
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13335
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13335
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13335
RCEP B	2022	2022	0	B!D13335
RCEP B	2023	2023	0	B!E13335
RCEP B	2024	2024	0	B!F13335
RCEP B	2025	2025	0	B!G13335
RCEP B	2026	2026	0	B!H13335
RCEP B	2027	2027	0	B!I13335
RCEP C	2022	2022	0	C!D13335
RCEP C	2023	2023	0	C!E13335
RCEP C	2024	2024	0	C!F13335
RCEP C	2025	2025	0	C!G13335
RCEP C	2026	2026	0	C!H13335
RCEP C	2027	2027	0	C!I13335
RCEP D	2022	2022	0	D!D13334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13334
RCEP D	2024	2024	0	D!F13334
RCEP D	2025	2025	0	D!G13334
RCEP D	2026	2026	0	D!H13334
RCEP D	2027	2027	0	D!I13334
RCEP E	2022	2022	0	E!D13338
RCEP E	2023	2023	0	E!E13338
RCEP E	2024	2024	0	E!F13338
RCEP E	2025	2025	0	E!G13338
RCEP E	2026	2026	0	E!H13338
RCEP E	2027	2027	0	E!I13338
RCEP F	2022	2022	0	F!D13335
RCEP F	2023	2023	0	F!E13335
RCEP F	2024	2024	0	F!F13335
RCEP F	2025	2025	0	F!G13335
RCEP F	2026	2026	0	F!H13335
RCEP F	2027	2027	0	F!I13335
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12373
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12373
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12373
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12373

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8448.51.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8448.51.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13995), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.